

MỤC LỤC

	Trang
I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch....	2
I.1. Tổ chức đăng ký.....	2
I.2. Tổ chức tư vấn.....	2
II. Các khái niệm.....	2
III. Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký.....	3
III.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
III.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	4
III.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	7
III.4. Hoạt động kinh doanh.....	8
III.5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất.....	18
III.6. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.....	19
III.7. Tài sản.....	24
III.8. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	25
III.9. Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận.....	26
IV. Chứng khoán đăng ký.....	27
V. Các đối tác liên quan đến việc đăng ký.....	28
VI. Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán.....	28
VII. Phụ lục.....	30

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I.1. Tổ chức đăng ký

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, Đường Nguyễn Sơn Hà, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ông **Trần Duy Hải**, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Bà **Lê Thị Liên**, Chức vụ: Trưởng phòng tài vụ

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

I.2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG (HASECO)

Địa chỉ: Số 24 Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Ông **Đoàn Văn Minh**

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký giao dịch cổ phiếu do Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (HASECO) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
TTGDCK Hà Nội	: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Công ty	: Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
Tổ chức tư vấn	: Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng (HASECO)
CINDE	: Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng
Điều lệ công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

III.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG,
- Tên giao dịch quốc tế : CONSTRUCTION AND INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION,
- Tên viết tắt : CINDE,
- Trụ sở chính : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, Đường Nguyễn Sơn Hà, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng,
- Điện thoại : +84031-870577,
- Fax : +84031-870576,
- Email : cinde.corp@hn.vnn.vn
- Website : www.cidvn.com
www.cinde.thuonghieuviet.com
- Quyết định thành lập : Số 876/QĐ-UB ngày 28/05/1999 của UBND thành phố Hải Phòng,
- Giấy phép ĐKKD : Số 055555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 25/03/2003,
- Vốn điều lệ và Cơ cấu vốn điều lệ:

Tính đến 30/04/2005, vốn điều lệ của Công ty là 5.410.000.000 VNĐ, cơ cấu sở hữu vốn như sau:

- Cổ đông nhà nước : 9,02%
- Cổ đông trong Công ty : 73,91%
- Cổ đông ngoài Công ty : 17,07%

Ghi chú: Tổng vốn điều lệ 5.410.000.000 VNĐ là vốn điều lệ đăng ký trong giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ nhất, ngày 25/03/2003. Tuy nhiên, do việc phát hành cổ phần tăng vốn và chuyển lợi nhuận sau thuế vào vốn kinh doanh năm 2003 không được như kế hoạch nên tổng vốn góp thực cho đến 31/12/2004 là 5.346.030.000 VNĐ (theo BCTC đã kiểm toán). Ngày 20/04/2005, trong nghị quyết HĐQT, đã nhất trí bán cho một pháp nhân và một cá nhân khác tại Hải Phòng 6.397 cổ phần để tăng vốn bằng vốn điều lệ đăng ký. Ngày 23/04/2005 số vốn thực góp của Công ty là 5.410.000.000 VNĐ, Công ty đăng ký giao dịch tổng số 541.000 cổ phần (mệnh giá 10.000đ).

Tóm tắt quá trình thành lập và hoạt động

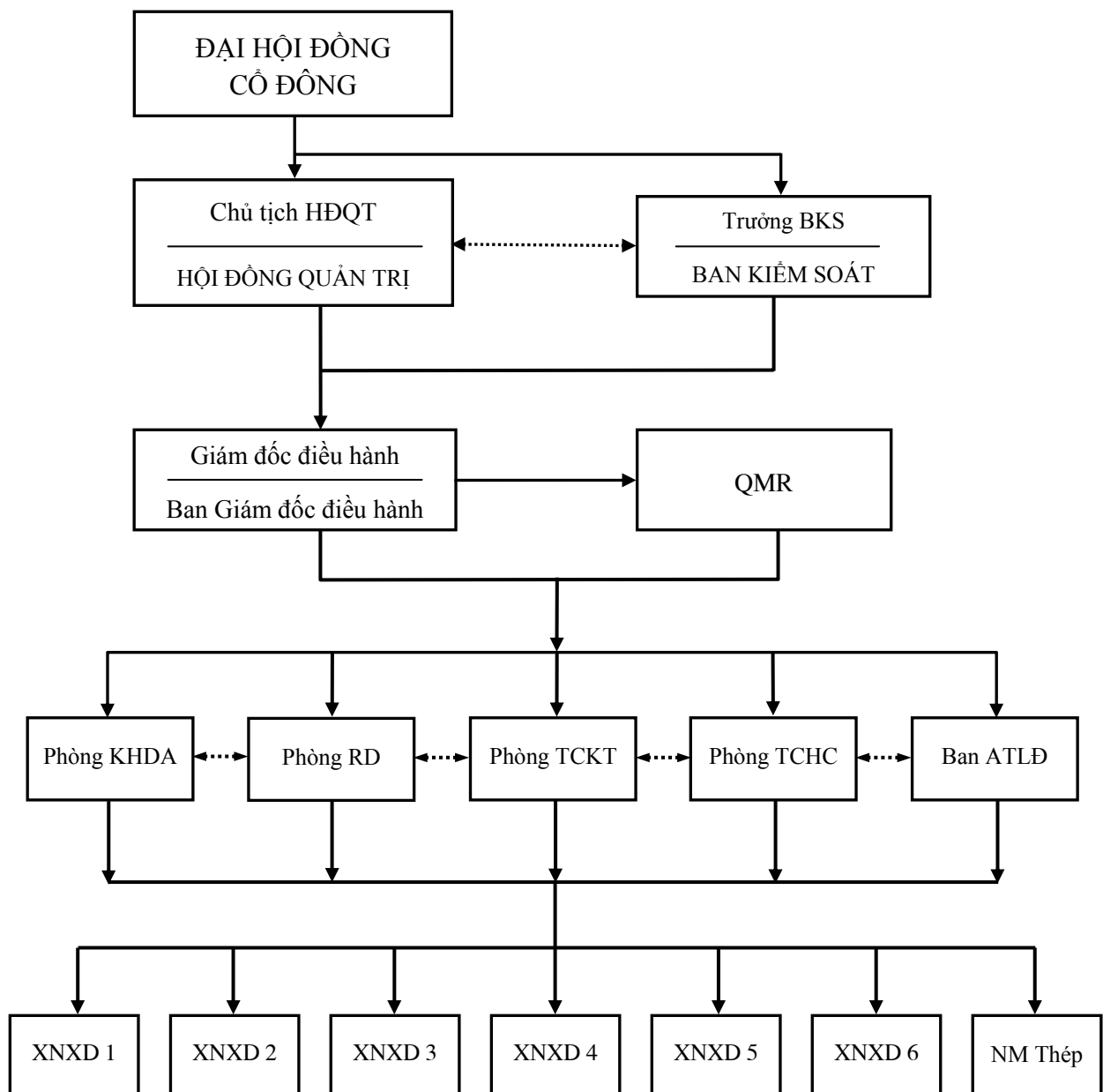
Ngày 28/05/1999, Công ty được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB của UBND Thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp xây dựng tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng, với mức vốn điều lệ khi thành lập là 1.720.900.000 VNĐ, tổng số CBCNV là 13 người,

Ngày 25/03/2003, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận giữ lại và phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ lên 5.410.000.000VNĐ, đăng ký thêm các ngành nghề: Xây dựng và cải tạo lưới điện cao, hạ thế đến điện áp 35KV, kinh doanh bất động sản và khu công nghiệp, sản xuất kết cấu thép, tư vấn đầu tư xây dựng và giám sát công trình,..., tổng số lao động của Công ty hiện nay là 210 người, với cơ cấu như sau:

Kỹ sư	Công nhân trực tiếp sản xuất		Tổng số
	Bậc ≤ 4	$4 < \text{Bậc} \leq 7$	
35	95	80	210

Doanh thu của Công ty tăng cao hàng năm, trung bình 47,76%/năm, từ 3.369 triệu đồng năm 1999 lên 23.732 triệu đồng năm 2004.

III.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương, chính sách đầu tư ngắn và dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra ban quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan thay mặt ĐHĐCĐ quản lý Công ty giữa hai kỳ Đại hội, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty. Trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định, Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển thông qua việc hoạch định các chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát: Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Giám đốc: Do HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp phụ trách các lĩnh vực sau:

- Tổ chức Nhân sự – Hành chính,
- Nghiên cứu phát triển;
- Chỉ đạo tổng hợp các hoạt động kinh doanh,
- Các dự án đầu tư và xây dựng cơ bản,
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty,
- Giúp việc cho Giám đốc có 02 phó Giám đốc và các Trưởng/Phó phòng, các Giám đốc xí nghiệp trực thuộc.

Phó Giám đốc kinh doanh phụ trách các lĩnh vực:

- Lập kế hoạch Tài chính dài hạn, ngắn hạn cho công ty
- Giám đốc tài chính các dự án đầu tư của công ty
- Hạch toán - quyết toán các dự án
- Theo dõi mọi chu chuyển tiền trong công ty

Phó Giám đốc kỹ thuật phụ trách các lĩnh vực:

- Giám đốc hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000
- Giám đốc các qui trình An toàn Lao động
- Giám đốc kỹ thuật các công trình

Công ty có 05 phòng, ban chức năng, bao gồm:

• ***Phòng kế hoạch dự án***

- Lập kế hoạch và theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty,
- Lập và chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư của công ty
- Xây dựng chủ trương, phương hướng phát triển Công ty,
- Dự thầu và ký kết hợp đồng xây dựng,
- Kiểm soát chất lượng và tiến độ thi công các công trình,
- Đề xuất và giải quyết các sự cố thi công công trình,
- Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc Công ty trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.

• ***Phòng nghiên cứu và phát triển***

- Nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm mới,
- Quản lý Know-How của Công ty,
- Thiết kế, chỉ đạo gia công sản xuất các dây chuyền công nghệ, nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thống và sản phẩm mới,
- Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc Công ty trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.

• ***Phòng tài chính kế toán***

- Lập kế hoạch tài chính: Tiền mặt, vốn vay, vốn lưu động,
- Quản lý các khoản phải thu, chi,
- Các chính sách tín dụng trả chậm,
- Quản lý các khoản đầu tư,
- Giao dịch ngân hàng,
- Phân tích, đánh giá hiệu quả quản lý và sử dụng vốn,
- Quản lý hệ thống luân chuyển chức từ, lưu trữ các báo cáo tài chính,
- Theo dõi cơ cấu vốn của Công ty,
- Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc Công ty trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.

• ***Phòng tổ chức hành chính***

- Quản trị nguồn nhân lực, công tác định mức lao động, tiền lương và các chế độ, chính sách cho người lao động,
- Quản trị hành chính văn phòng, công tác PCCC, bảo vệ, giao tế,

- Công tác văn thư lưu trữ,
- Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc Công ty trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.
- **Ban An toàn lao động**
 - Tổ chức huấn luyện công tác an toàn lao động cho cán bộ các phòng nghiệp vụ, lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật các đơn vị trực thuộc theo định kỳ 01 năm 01 lần,
 - Lập kế hoạch về bảo hộ lao động hàng năm,
 - Thường xuyên tổ chức việc kiểm tra công tác an toàn lao động ở các công trường,
 - Xử lý các sự cố khi có tai nạn lao động trên công trường,
 - Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc Công ty trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.

Công ty hiện đang có 06 Xí nghiệp Xây dựng và 01 Nhà máy chế tạo thép tiền chế trực thuộc, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và hạch toán phụ thuộc vào Công ty. Quy định quyền hạn và trách nhiệm cho các chức danh sau:

- **Giám đốc các xí nghiệp trực thuộc**
 - Tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của đơn vị, hoàn thành các chỉ tiêu do Công ty giao,
 - Phối hợp với Công ty lập kế hoạch sản xuất cho đơn vị, điều độ sản xuất, đơn đốc thực hiện kế hoạch theo đúng các quy định của Công ty và Ngành,
 - Xúc tiến, khai thác công việc, đảm bảo đời sống cho cán bộ, nhân viên trong đơn vị,
 - Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc Công ty trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.
- **Chỉ huy trưởng Công trường**
 - Tổ chức chỉ đạo công trình từ khi khởi công đến khi nghiệm thu bàn giao,
 - Bố trí mặt bằng, thực hiện các biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường,
 - Giám sát, tổ chức thi công theo đúng tiến độ đề ra, nghiệm thu công trình,....
 - Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc Công ty trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.

III.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay Công ty không còn cổ đông sáng lập và không còn bất cứ một hạn chế chuyển nhượng cổ phần nào còn hiệu lực.

III.4. Hoạt động kinh doanh

Các ngành kinh doanh chính của Công ty theo ĐKKD:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông thủy lợi, cơ sở kỹ thuật hạ tầng, lắp máy, điện, nước,
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao, hạ thế đến cấp điện áp 35KV,
- Kinh doanh tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát xây dựng công trình.
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên vật liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản. Khai thác vật liệu xây dựng,
- Sản xuất gia công cơ khí.

III.4.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Là một đơn vị thi công xây dựng của Hải Phòng, thời gian qua Công ty đã giành được tín nhiệm của các chủ đầu tư cũng như các đơn vị trong ngành, đặc biệt là từ sau khi chuyển thành công ty cổ phần. Từ phạm vi hoạt động và phạm vi khách hàng chủ yếu tại khu vực Hải Phòng, đến nay Công ty đã vươn ra cung cấp dịch vụ cho các đơn vị tại tỉnh Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Bình, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền tây như: Cần thơ, Sóc Trăng, Bến tre, ... Nhiều công trình được các nhà thầu đánh giá rất cao nhờ vào chất lượng, thời gian thi công và phương thức phục vụ khách hàng.

Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty hiện nay là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông thủy lợi, cơ sở kỹ thuật hạ tầng. Lắp dựng nhà máy thép dạng khung Zamil, các khung nhà tiền chế.

Sản xuất ống thép Công nghiệp, sản xuất và lắp dựng các kết cấu dàn không gian khẩu độ lớn,...

Một số công trình tiêu biểu đã thi công:

CÁC CÔNG TRÌNH CÓ QUY MÔ LỚN DO CÔNG TY LÀ NHÀ THẦU CHÍNH

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Tên công trình	Giá trị	Khởi công	Hoàn thành	Chủ đầu tư
1	Xây dựng đường du lịch Gia Luận - Vườn quốc gia - Cát Bà	17.000	11/2001	6/2002	BQL các dự án hạ tầng du lịch HP
2	Đường tuyến 1 - Tuyến 2 kéo dài và hệ thống thoát nước, xử lý nước thải khu dân cư BLV	2.016			BQLDA khu dịch vụ nghề ca BLV
3	Cải tạo nâng cấp đường Hàn Hoá - Vĩnh Bảo	2.500	10/2001	12/2001	UBND huyện Vĩnh Bảo
4	Đường 353 Hải Phòng - Đồ Sơn, gói thầu R4	22.000	11/2001	6/2002	Sở Giao thông công chính HP

5	Đường 353 Hải Phòng - Đồ Sơn, gói thầu R2	17.000	11/2001	6/2002	Sở Giao thông công chính HP
6	Hoàn chỉnh nhà Điều hành sản xuất số 8A Trần Phú - Cảng Hải Phòng	6.500	03/1999	12/1999	Cảng Hải Phòng
7	Cải tạo nâng cấp đường Thủy Triều - Vũ Yên - Thủy Nguyên	2.030	12/2000	06/2001	UBND Huyện Thủy Nguyên
8	Cải tạo nâng cấp Cảng Cửa Cấm giai đoạn I	5.200	06/2001	04/2002	Xí nghiệp Cảng Cửa Cấm
9	Xây dựng phòng khám đa khoa xã Hưng Đạo - Kiến Thụy	2.200	8/2001	8/2002	BQLDA các công trình Sở Y tế HP
10	Xây dựng phòng khám đa khoa thị trấn Minh Đức - Thủy Nguyên	2.550	8/2001	6/2002	BQLDA các công trình Sở Y tế Hải Phòng
11	Đầu tư, cải tạo kho 6 - Cảng Hải Phòng	8.000	2/2004	12/2004	Cảng Hải Phòng
12	Xây dựng nhà máy sản xuất nền và sản xuất bao bì cao cấp AIDI - khu CN Cái Lân - Quảng Ninh	25.000	3/2004	9/2005	Công ty AIDI-Hoa Kỳ

CÁC CÔNG TRÌNH LẮP DỰNG NHÀ THÉP TIỀN CHẾ*Đơn vị: Triệu đồng.*

STT	Tên công trình	Giá trị	Khởi công	Hoàn thành	Chủ đầu tư
1	Chế tạo và lắp dựng nhà chế biến thủy sản - Cty Việt Trường	6.300	1/2000	6/2000	Cty TNHH Việt Trường
2	Lắp dựng khung nhà kho Cty SIVICO (Cụm CNVN HP)	4.200	5/2000	8/2000	Cty cổ phần SIVICO
3	Chế tạo và lắp dựng kho, nhà xưởng Cty TNHH AnThịnh	5.750	2/2001	4/2001	Cty TNHH An Thịnh
4	Chế tạo và lắp dựng nhà xưởng Cty TNHH An Lạc	5.825	6/2001	10/2001	Cty TNHH An Lạc
5	Chế tạo và lắp dựng nhà xưởng, kho Cty Xe đạp, xe máy	6.150	7/2002	10/2002	Cty Xe đạp, xe máy
6	Chế tạo và lắp dựng nhà xưởng Cty TNHH Ngân Hà	6.700	2/2002	7/2002	Cty TNHH Ngân Hà
7	Chế tạo và lắp dựng nhà xưởng, kho Nhà máy chế biến thủy sản	10.200	11/2002	5/2003	Nhà máy chế biến thủy sản

8	Lắp dựng khung Zamil nhà sản xuất Nhà máy nhựa Tiến Huy-HP	12.000	5/2000	12/2000	Cty 100% vốn Đài Loan - Tiến Huy
9	Lắp dựng khung Zamil nhà máy thủy sản Phương Nam-Sóc Trăng	17.000	3/1999	12/2000	Cty Thương mại Phương Nam- Sóc Trăng
10	Đầu tư, cải tạo kho 6 - Cảng HP	7.000	2/2004	12/2004	Cảng Hải Phòng
11	Nhà sản xuất AIDI – Cái Lân Quảng Ninh	12.000	3/2004	6/2005	Công ty AIDI Hoa Kỳ

CÁC CHỨNG CHỈ THÀNH TÍCH TRONG XÂY DỰNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP

STT	Tên công trình	Đặc điểm công trình	Giá trị (tr.đồng)	Mức độ khen thưởng	Cơ quan khen thưởng
1	Nhà điều hành SX Cảng Hải Phòng	Nhà 5 tầng kết cấu khung chịu lực	6.535	Huy chương vàng năm 1999	Bộ Xây dựng – CĐXD Việt Nam
2	Nhà mổ đẻ 4 tầng Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	Nhà 5 tầng kết cấu khung chịu lực	3.153	Huy chương vàng năm 1999	Bộ Xây dựng – CĐXD Việt Nam

Tình hình kinh doanh cụ thể của Công ty trong thời gian qua như sau:**Giá trị dịch vụ qua các năm:**

Dịch vụ chính của Công ty là xây dựng các công trình, chiếm tới 97% tổng doanh thu thuần. Hàng năm, số lượng các công trình Công ty thi công khoảng 30 công trình, năm 2003 là 53 công trình và năm 2004 là 57 công trình với giá trị khoảng 50 tỷ.

Khách hàng truyền thống của Công ty là Cảng Hải Phòng, Công ty Điện lực Hải Phòng, Công ty Kinh doanh nhà Hải Phòng, UBND Huyện Vĩnh Bảo, Ban quản lý các công trình Sở Y tế, Ban Quản lý hạ tầng du lịch Hải Phòng, Công ty AIDI Hoa Kỳ Khu CN Cái Lân, Công ty AROMA Hải Phòng,...

GIÁ TRỊ DỊCH VỤ QUA CÁC NĂM*Đơn vị: triệu đồng.*

Năm	2001	2002	2003	2004
Giá trị xây lắp	44.771	41.742	47.528	47.043

Cơ cấu dịch vụ và chất lượng

Dịch vụ chính của Công ty trong những năm qua là dịch vụ xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, san lấp mặt bằng và làm đường chiếm khoảng 99,5% giá trị sản phẩm dịch vụ năm 2003 và 97,9% năm 2004.

Kể từ năm 2005 Công ty phát triển thêm hoạt động kinh doanh của nhà máy thép tiền chế, sản xuất các cấu kiện thép, khung nhà thép và các đồ gia dụng, nội thất khung thép.

Công ty là một trong những đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, san lấp mặt bằng. Chất lượng thi công các công trình luôn được đánh giá cao.

Nguyên vật liệu

Nguồn cung cấp vật tư xây dựng cho Công ty:

- Xi măng, sắt, đá, sỏi: Mua của các đơn vị sản xuất hoặc kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thép các loại: Các đại lý của Thép Việt Úc, Việt Hàn, Việt Nhật,
- Các cấu kiện khác: Tự sản xuất tại xưởng sản xuất của Công ty.

Sự ổn định của các nguồn cung cấp vật tư xây dựng:

Các loại vật tư công ty thường dùng như xi măng, gạch, đá, cát, sỏi, các loại thép,... nguồn cung cấp rất sẵn có trên thị trường, đặc biệt trong địa bàn Hải Phòng có các nhà máy xi măng, nhà máy thép lớn, núi đá, các bến bãi cát và các khu nguyên liệu sản xuất gạch lớn.

Nhu cầu lớn về xây dựng hạ tầng cơ sở phục vụ phát triển kinh tế và đời sống dân sinh của Việt nam làm cho lĩnh vực xây dựng cơ bản hiện nay đang có tốc độ phát triển khá cao. Thực tế này kéo theo sự phát triển của các công ty sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng làm cho các nguồn cung cấp vật liệu xây dựng rất sẵn có, phong phú về chủng loại và chất lượng. Trên phương diện này có thể nhận định nguồn cung cấp vật liệu phục vụ thi công của Công ty là rất ổn định.

Ngoài các vật liệu trực tiếp, Công ty còn có Nhà máy thép tiền chế chuyên sản xuất các cấu kiện thép, khung nhà xưởng,... với chất lượng cao, đảm bảo phục vụ mọi công trình khi cần thiết.

Sự ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận

Chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 68% giá vốn hàng bán và khoảng 64% doanh thu của công ty. Trong đó tỷ trọng lớn nhất là 02 loại vật liệu: xi măng và sắt thép. Do đó, những biến động về giá cả các nguyên vật liệu đó có thể ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của Công ty.

Máy móc thiết bị

Trong hoạt động thi công xây lắp, để tiết kiệm nguồn vốn đầu tư, công ty thực hiện thuê máy móc thiết bị thi công theo từng công trình, do nguồn cung cấp, cho thuê vận hành thiết bị thi công trên các địa bàn hoạt động của Công ty nhiều nên Công ty luôn chủ động được thiết bị thi công. Qua tính toán việc đi thuê hiệu quả hơn nhiều so với đầu tư vì với quy mô hiện tại của Công ty thì việc đầu tư thiết bị sẽ không có được hệ số sử dụng cao ngay. Công ty cũng đang có kế hoạch từng bước đầu tư các thiết bị chuyên dùng có hệ số sử dụng cao phù hợp với việc mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giá trị phần thiết bị hiện tại của Công ty chủ yếu là thiết bị của nhà máy chế tạo kết cấu thép, được đưa vào sử dụng từ quý II/2005.

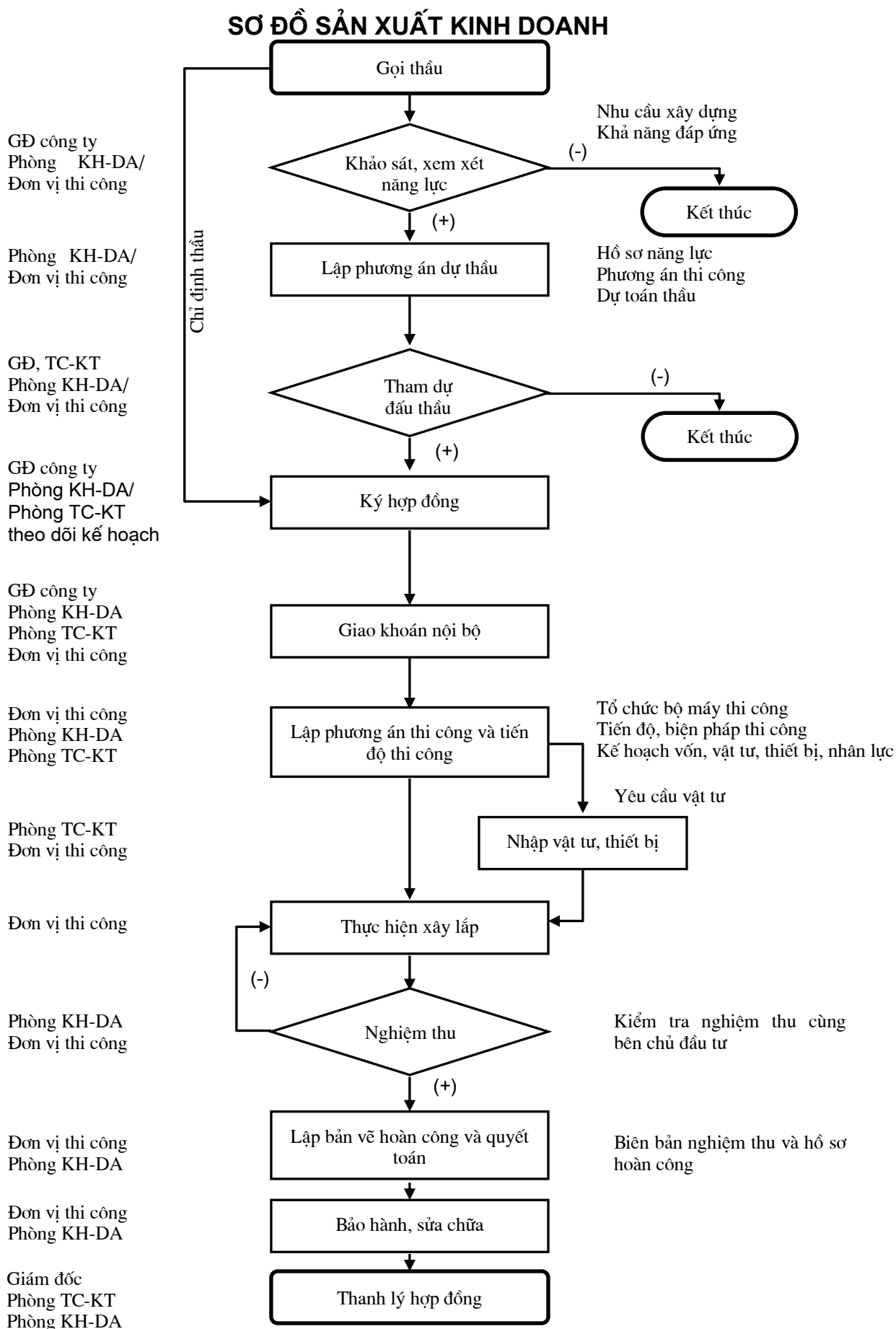
GIÁ TRỊ THIẾT BỊ TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/03/2005

Đơn vị: đồng.

STT	TÊN TÀI SẢN	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (31/12/2004)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (31/03/2005)
I*	Phần thiết bị của nhà máy chế tạo kết cấu thép		2.312.199.698
1	Dây chuyền sản xuất thép hộp		1.004.298.579
2	Máy xả băng		742.381.634
3	Cổng trục 10.000 Kg		81.339.118
4	Dàn cầu trục 5.000Kg		210.335.262
5	Máy lốc thép hình Cần Thơ		192.000.000
6	Máy hàn Tiệp		13.100.000
7	Máy hàn Tiệp một chiều		11.100.000
8	Công cụ dụng cụ		57.645.105
II	Các tài sản cố định khác	31.068.830	29.800.079
1	Máy vận thăng	13.618.000	12.958.000
2	Máy trắc đạc	17.450.830	16.842.079
TỔNG		31.068.830	2.341.999.777

(*): Là nguyên giá toàn bộ thiết bị nhà máy chế tạo kết cấu thép đã được quyết toán nhưng chưa đưa vào BCĐKT đến thời điểm 31/03/2005.

Quy trình cung cấp dịch vụ



Marketing và dự thầu

Do có được sự tin cậy và đánh giá cao của các khách hàng nhờ vào chất lượng, thời gian thi công và phương thức phục vụ, lại có được lượng khách hàng truyền thống là các Công ty lớn và UBND các huyện, các Sở - Ban - Ngành ở Hải Phòng. Cùng với kinh nghiệm 35 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, san lấp mặt bằng, 15 năm trong lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, các công trình điện $\leq 35KV$. Công ty luôn đạt được tỷ lệ thắng thầu trong đấu thầu cao, Công ty thường xuyên phải bán thầu lại cho các đơn vị khác do việc mở rộng quy mô chưa đáp ứng được.

III.4.2. Chiến lược kinh doanh

Hoạch định chiến lược để phát triển là một công tác trọng tâm của lãnh đạo công ty. Trên cơ sở phân tích vị thế của công ty hiện nay, các yếu tố thị trường,... Chiến lược phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được hoạch định như sau:

III.4.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh

Một trong những hướng chiến lược quan trọng để phát triển kinh doanh sản xuất của Công ty là phải đa dạng hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài việc hoạt động như một công ty chuyên nhận thầu xây dựng - Dịch vụ xây dựng - như hiện nay Công ty sẽ nhanh chóng phát triển thêm các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác, như:

- *Sản xuất Công nghiệp*: Sản xuất kết cấu thép và ống thép công nghiệp:

Hiện nay, Công ty có thuận lợi cơ bản là đã có 02ha nhà xưởng đã xây dựng hoàn chỉnh tại khu công nghiệp Vĩnh Niệm Hải Phòng. Trong đó, 01ha dự kiến trước đây sẽ đưa vào làm nhà máy chế biến thủy sản; nhưng do điều kiện đầu vào của nguyên liệu địa phương không đáp ứng được như kế hoạch. Do đó, Công ty đã cho một công ty đầu tư nước ngoài thuê mặt bằng nhà xưởng sản xuất hàng xuất khẩu 100%. 01ha hiện Công ty đã xây dựng nhà máy sản xuất nhà khung thép tiền chế và đã lắp ráp một dây chuyền sản xuất ống thép công nghiệp. Sản phẩm của nhà máy hiện đã có thị trường tiêu thụ. Chiến lược đầu tư của Công ty chủ yếu dựa trên nội lực của Công ty là đội ngũ chuyên gia chế tạo máy; Do đó, các dây chuyền thiết bị của Công ty đều tự thiết kế và lắp dựng với công suất và tính năng không thua kém hàng nhập, nhưng giá trị đầu tư rất thấp, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao và giá thành hạ (Vì chi phí khấu hao thiết bị rất thấp) tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Trong năm 2005 - 2006 Công ty sẽ phát triển dự án của nhà máy chế tạo kết cấu thép theo hướng phát triển sản xuất các kết cấu khung vòm không gian. Trên cơ sở thuận lợi sẵn có của sản phẩm Công ty là ống thép công nghiệp và công nghệ đúc,... Hướng sản xuất của Công ty là đi vào sản xuất các kết cấu khung vòm không gian, khớp nối cầu cho các công trình nhà xưởng, nhà thi đấu thể thao, nhà triển lãm, siêu thị,... Trong tương lai với các kết cấu không gian lớn chịu lực lớn như trụ cầu, kết cấu siêu trọng. Công ty sẽ có hướng phải nhập thiết bị, khi thị trường phát triển và có nhu cầu.

Một hướng phát triển khác là phát triển các sản phẩm nội ngoại thất sử dụng nguyên liệu ống thép công nghiệp như các loại ghế, bàn, giường dùng ngoài trời, ngoài bãi biển,... các sản phẩm này có kiểu dáng công nghiệp đẹp, độc đáo, mỹ thuật và nhằm tới thị trường nước ngoài giành cho xuất khẩu. Theo hướng đa dạng hóa sản xuất cơ sở khu sản xuất kết cấu không gian và sản xuất đồ nội thất sẽ được mở rộng sang khu nhà máy chế biến thủy sản khi thu hồi lại sau hết thời hạn cho thuê vào năm 2008.

Hướng phát triển của các mặt hàng trên là nhằm vào thị trường nước ngoài như các nước Châu Phi, Châu Âu, Hoa Kỳ. Do đó, tuy trên cơ sở là dây chuyền do Công ty tự thiết kế và chế tạo nhưng sẽ phải hoàn thiện công nghệ và khi cần thiết vẫn phải nhập công nghệ cao của thế giới.

- *Phát triển kinh doanh và đầu tư bất động sản:*

Đây cũng là một hướng phát triển kinh doanh lâu dài của công ty; Tuy vậy, việc lựa chọn địa điểm, phương hướng đầu tư dự án đòi hỏi phải điều tra khảo sát khoa học và thận trọng.

Nằm trong sách lược này, Công ty cũng chủ trương phát triển kinh doanh đầu tư hạ tầng. Hướng chủ đạo là đầu tư, kinh doanh cung cấp nước sạch; Xây dựng trạm điện - kinh doanh cung cấp điện cho một số khu vực huyện thị...

- *Phát triển kinh doanh dịch vụ và thương mại:*

Lĩnh vực kinh doanh Dịch vụ - Thương mại còn nhiều hướng có thể phát triển. Hiện Công ty đang lập dự án để thành lập một cơ sở Salon Ôtô chuyên sửa chữa và kinh doanh xe Ôtô các loại...

Công ty xác định sẽ phát triển sản xuất rất đa dạng, dần phát triển các ngành nghề trong mối quan hệ ngành nghề nào đã có sẽ hỗ trợ mọi mặt cho lĩnh vực kinh doanh mới. Ngược lại, ngành nghề mới cũng sẽ tạo thêm doanh thu và thị trường cho cả Công ty

III.4.2.2. Chiến lược đầu tư

Đầu tư để phát triển là một chiến lược rất quan trọng. Tuy vậy, Công ty thấy cần phải rất thận trọng trong quyết định đầu tư.

Đối với đầu tư cho phát triển các sản phẩm mới phương hướng chủ yếu là dựa vào nội lực sẵn có của Công ty, trong những năm vừa qua những dây chuyền sản xuất cho kết cấu thép, dây chuyền sản xuất ống thép công nghiệp đều do Công ty tự thiết kế, chế tạo và lắp đặt và đưa vào sản xuất, sản phẩm sản xuất ra được thị trường chấp nhận. Thực tế đã tiết kiệm được chi phí đầu tư rất lớn, rất hiệu quả.

Đầu tư cho đổi mới công nghệ phải là bước tiếp theo khi nhu cầu có những đòi hỏi về chất lượng sản phẩm, cũng như có những đòi hỏi đặc biệt về tính độc đáo của sản phẩm. Trong trường hợp cần thiết thì sẽ nhập dây chuyền sản xuất của các nước tiên tiến.

Công ty cũng coi việc đầu tư cho các dự án cũng là một bước phát triển của Công ty. Trên cơ sở nghiên cứu khảo sát thị trường kỹ lưỡng, công ty sẽ chọn lựa các địa điểm để xây dựng các dự án kinh doanh hạ tầng bao gồm việc kinh doanh cấp điện, cấp nước sạch cho một khu thị trấn, huyện thị,... Mặt khác, Công ty cũng sẽ tham gia thị trường bất động sản kinh doanh nhà đất và phát triển các khu đô thị...

III.4.2.3. Chiến lược phát triển con người:

Con người là nhân tố quan trọng nhất để phát triển. Do vậy, trong các năm vừa qua Công ty đã rất coi trọng khâu tuyển lựa, đào tạo. Chiến lược về phát triển con người nhằm tạo dựng được một đội ngũ kỹ thuật, cán bộ quản lý các cấp giỏi và hết sức trung thành với lợi ích của Công ty. Muốn vậy, Công ty đã tạo điều kiện để CBCNV Công ty có thể tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, có chính sách hấp dẫn để thu hút các nhân viên có năng lực và luôn luôn coi trọng khâu tiền lương, đề bạt, nâng hạng...

Về lâu về dài Công ty chủ trương mỗi CBCNV phải là một cổ đông của Công ty, khuyến khích CBCNV mua cổ phiếu của Công ty và có chế độ thưởng các đợt vừa bằng tiền vừa bằng cổ phiếu của công ty.

III.4.2.4. Chiến lược xây dựng - Phát triển thương hiệu - Phát triển thị trường:

Tên và Lôgô của Công ty đã có trên thị trường từ năm 1997 vì Công ty đã thừa hưởng thương hiệu từ công ty nhà nước qua cổ phần hóa và tiếp tục phát triển. Qua gần 10 năm phát triển công ty đã có thương hiệu trên thương trường. Sản phẩm trên mọi lĩnh vực rất có uy tín, Công ty liên tục năm nào cũng có lợi nhuận cao.

Một thuận lợi cơ bản là Công ty đã được các tổ chức QUACERT - Việt Nam và TUVNORD – CHLB Đức cấp chứng chỉ cho hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2000. Chính sách chất lượng của công ty là: Chất lượng cao khác biệt với các đối thủ cạnh tranh và dịch vụ tốt là xương sống của sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Công ty chỉ có thể phát triển trên cơ sở phát triển ngày càng cao thương hiệu của mình, vì thế Công ty có chiến lược đăng ký thương hiệu tại các thị trường mà sản phẩm của công ty hướng tới. Mặt khác, Công ty sẽ quảng bá rộng rãi thương hiệu của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các kỳ triển lãm và hội chợ...

Để phát triển thị trường, Công ty sẽ mở chi nhánh và đầu tư cơ sở sản xuất tại các tỉnh phía nam, trước mắt là tại thành phố Hồ Chí Minh

III.4.3. Kế hoạch phát triển kinh doanh

III.4.3.1. Kế hoạch kinh doanh ngắn hạn trong 3 năm 2005 - 2007

Hiện nay, việc tìm kiếm lợi nhuận trong khuôn khổ thị trường dịch vụ xây dựng ngày càng trở nên khó khăn. Các đối thủ cạnh tranh ngày càng đông, phát sinh nhiều hình thái cạnh tranh không lành mạnh. Khuôn khổ kinh doanh đơn thuần

một ngành nghề tiềm ẩn nhiều nguy cơ không ổn định. Vì thế, nhu cầu về đa dạng hóa sản xuất kinh doanh là một yêu cầu sống còn. Do đó, để phát triển Công ty phải đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển sang nhiều ngành nghề. Trong kế hoạch ngắn hạn 3 năm: 2005 - 2007 Công ty sẽ chú trọng:

- Tiếp tục duy trì thế mạnh sẵn có trong thị trường xây dựng; giữ vững các thị trường truyền thống, khách hàng truyền thống. Đồng thời tăng cường năng lực về thiết bị thi công, tiếp thu công nghệ mới, tạo ra thế mạnh mới riêng biệt, khác biệt với các đối thủ để phát triển.

Tuy vậy, Công ty chủ trương chỉ tham gia đấu thầu và nhận thầu những công trình đảm bảo có lợi nhuận và ổn định dần doanh thu thuần của lĩnh vực xây dựng trong kế hoạch ngắn hạn này ở mức ổn định từ 25 tỷ đến 35 tỷ đồng/năm

- Hướng phát triển dần dần sẽ được xem là hướng chủ đạo của Công ty là sẽ tạo điều kiện cho phát triển sản xuất các mặt hàng công nghiệp. Trước mắt phát triển các sản phẩm sản xuất ống thép công nghiệp, nhà khung thép tiền chế các loại kiểu dáng, các loại vòm không gian và tiến tới sản xuất đồ nội thất sử dụng ở ngoài trời, bãi biển, sân vườn,... sản phẩm này sử dụng các loại ống thép do Công ty sản xuất ra. Phấn đấu đến năm 2007 doanh thu thuần của khu vực sản xuất này sẽ đạt từ 15 tỷ đến 20 tỷ/năm
- Phát triển sản xuất kinh doanh theo hướng đầu tư các dự án kinh doanh hạ tầng. Hướng chủ yếu là đầu tư kinh doanh cung cấp điện, cung cấp nước cho các khu dân cư thị trấn, huyện,...

III.4.3.2. Kế hoạch dài hạn trong những năm sau

Kế hoạch dài hạn của Công ty trong những năm sau phụ thuộc rất nhiều vào công tác thực hiện kế hoạch 3 năm 2005 – 2007. Kế hoạch 3 năm là bước đệm chủ yếu cho sự vươn lên của Công ty trong những năm sau. Có thể phải cần những kế hoạch bước đệm kế tiếp để bước vào kế hoạch dài hạn. Khi đó, Công ty về mặt dịch vụ xây dựng, có thể đảm đương những công trình qui mô tầm cỡ với thiết bị và công nghệ hiện đại, về sản xuất công nghiệp có những sản phẩm tiêu thụ trên thị trường thế giới. Công ty cũng kinh doanh trên thị trường bất động sản cả nước và tương lai sẽ hoạt động cả trên thị trường thương mại.

Về nguồn vốn để thực hiện các kế hoạch này, ngoài nguồn vốn vay NH (Công ty là khách hàng loại A của một số ngân hàng và tổ chức tín dụng, thường có được những nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi) và nguồn lợi nhuận giữ lại. Công ty có kế hoạch trong vòng 02 năm tới sẽ phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ lên khoảng 12 tỷ để cân đối lại cơ cấu vốn và đầu tư máy móc thiết bị xây dựng và mở rộng sản xuất của nhà máy chế tạo kết cấu thép tiền chế, chuyên sâu vào lĩnh vực sản xuất và chế tạo các loại dàn không gian, đặc biệt với các khẩu độ lớn dùng cho các sân vận động, các nhà thi đấu, các siêu thị, nhà triển lãm và các kết cấu siêu trọng cho các trụ cầu vượt, ... Kế hoạch cụ thể về việc tăng vốn sẽ được công bố sau trong từng giai đoạn.

III.5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất**III.5.1. Kết quả hoạt động kinh doanh***Đơn vị: đồng.*

Chỉ tiêu	Năm 2004
Tổng giá trị tài sản	26.665.555.454
Doanh thu thuần	23.731.596.936
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	976.581.260
Lợi nhuận khác	10.263.577
Lợi nhuận trước thuế	986.844.837
Lợi nhuận sau thuế	710.528.282
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	90,29%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%

III.5.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Trong năm 2004, ngành Xây dựng chịu sự trượt giá của các loại vật tư, đặc biệt là sắt thép, xi măng và điện nước theo tình hình chung của nền kinh tế. Nó ảnh hưởng trực tiếp lên giá thành sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng do Công ty đã có kế hoạch và dự trù trước nên vẫn đảm bảo được chỉ tiêu lợi nhuận đặt ra và không gây ảnh hưởng đến các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2004,

Cũng trong năm 2003 và 2004, Công ty tập trung vào đầu tư hoàn thiện nhà máy chế tạo kết cấu thép nên các nguồn lực cũng như chi phí sử dụng vốn tăng lên, mà nhà máy này lại chưa tạo ra lợi nhuận. Trong năm 2005, khi đưa vào vận hành hứa hẹn tạo ra các nguồn lợi nâng cao chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty.

III.5.3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2003	Năm 2004
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định/Tổng tài sản (%)	11,42	31,79
Tài sản lưu động/Tổng tài sản (%)	88,58	68,21
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn		

Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	81,75	76,96
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	18,25	23,04
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,22	1,30
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,09	1,20
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,93	0,93
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu (%)	2,37	4,16
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	1,61	3,00
3.2. Tỷ suất sinh lợi trên vốn		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng vốn (ROA) (%)	1,82	2,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ (ROE) (%)	9,99	11,57

III.6. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

III.6.1. Danh sách Hội đồng quản trị:

Ông Trần Duy Hải

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty,

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu 275.926 cổ phần, chiếm 51,00% trên tổng số cổ phần Công ty,

Các người có liên quan : Con trai, Trần Hải Nguyên Long, nắm giữ 38.860 cổ phần, chiếm 7,18% trên tổng số cổ phần Công ty,

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không,

Hành vi vi phạm pháp luật : Không,

Giới tính : Nam,

Ngày tháng năm sinh : 24 tháng 12 năm 1942 tại Hải Phòng,

Quốc tịch : Việt nam,

Dân tộc : Kinh,

Địa chỉ thường trú : 205 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng,

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng,

Quá trình công tác

1969 - 1974 : Kỹ sư kinh tế xây dựng, phòng Kế hoạch tổng hợp, Sở Xây dựng Hải Phòng,

- 1974 - 1977 : Phó giám đốc công ty Xây dựng số 4, Sở Xây dựng Hải Phòng,
- 1977 - 2002 : Giám đốc công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng, Sở Xây dựng Hải Phòng,
- 2003 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành công ty CP Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng.

Ông Vũ Đức Thiện

Phó chủ tịch HĐQT Công ty,

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu 29.990 cổ phần, chiếm 5,54% trên tổng số cổ phần Công ty,

Các người có liên quan : Vợ con không nắm giữ cổ phần của Công ty,

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không,

Hành vi vi phạm pháp luật : Không,

Giới tính : Nam,

Ngày tháng năm sinh : 23 tháng 12 năm 1943 tại Thái Bình,

Quốc tịch : Việt nam,

Dân tộc : Kinh,

Địa chỉ thường trú : 133 Trường Chinh, Quán Trữ, Kiến An, TP.Hải Phòng,

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cầu đường,

Quá trình công tác

1963 - 1970 : Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông vận tải, TP. Hải Phòng,

1970 - 1976 : Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Công ty Công trình giao thông, Hải Phòng,

1977 - 1988 : Phó Giám đốc Công ty Công trình giao thông, Hải Phòng,

1989 - 2000 : Giám đốc, Bí thư đảng ủy Công ty Công trình giao thông, Hải Phòng,

2000 - 2003 : Tổng Giám đốc Ban quản lý các dự án Cầu Hải Phòng,

2003 - 2004 : Chuyên viên cao cấp, thường trực ban chỉ đạo các dự án Cầu Hải Phòng,

2005 - nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn đầu tư Xây dựng và Thương mại Thống Nhất.

Ông Vũ Xuân Huy

Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty,

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu 19.356 cổ phần, chiếm 3,58% trên tổng số cổ phần Công ty,

Các người có liên quan : Vợ con không nắm giữ cổ phần của Công ty,

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không,

Hành vi vi phạm pháp luật : Không,

Giới tính : Nam,

Ngày tháng năm sinh : 25 tháng 02 năm 1950 tại Thái Bình,

Quốc tịch : Việt nam,

Dân tộc : Kinh,

Địa chỉ thường trú : 05 Đường Thiên Lô, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng,

Trình độ chuyên môn : Trung cấp xây dựng,

Quá trình công tác

1973 - 1974 : Nhân viên phòng thiết kế P13, Viện thiết kế công trình cơ khí, Bộ Cơ khí và luyện kim,

1974 - 1976 : Cán bộ kỹ thuật công ty San nền TP. Hải Phòng,

1976 - 1977 : Phó phòng KHKTCông ty Xây dựng số 4, Sở Xây dựng Hải Phòng,

1997 - 1998 : Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng,

1998 - 1999 : Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng tổng hợp công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng,

1999 - nay : Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty CP Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng.

III.6.2. Danh sách Ban Kiểm soát:

Ông Đỗ Huy Số

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty,

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu 5.989 cổ phần, chiếm 1,11% trên tổng số cổ phần Công ty,

Các người có liên quan : Vợ con không nắm giữ cổ phần của Công ty,

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không,

Hành vi vi phạm pháp luật : Không,

Giới tính : Nam,

Ngày tháng năm sinh : 15 tháng 8 năm 1942 tại Hải Dương,
Quốc tịch : Việt nam,
Dân tộc : Kinh,
Địa chỉ thường trú : 12/208 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng,
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy,
Quá trình công tác
1965 - 1976 : Cán bộ phòng Đo lường, TP.Hải Phòng,
1976 - 1977 : Phó phòng Đo lường, TP.Hải Phòng,
1977 - 1984 : Trưởng phòng Đo lường, TP.Hải Phòng,
1984 - 1993 : Phó chủ nhiệm UBKHKT kiêm Chi cục trưởng Chi Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, TP.Hải Phòng,
1994 - 2003 : Phó Giám đốc Sở KH-CN & TM kiêm Chi cục trưởng Chi Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở KH-CN & TM, TP.Hải Phòng,
1993 - nay : Về hưu theo chế độ.

Ông Lê Trực

Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty,

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu 11.300 cổ phần, chiếm 2,09% trên tổng số cổ phần Công ty,
Các người có liên quan : Vợ con không nắm giữ cổ phần của Công ty,
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không,
Hành vi vi phạm pháp luật : Không,
Giới tính : Nam,
Ngày tháng năm sinh : 20 tháng 10 năm 1936 tại Hà Tây,
Quốc tịch : Việt nam,
Dân tộc : Kinh,
Địa chỉ thường trú : 37 Nguyễn Bình, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng,
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng,
Quá trình công tác
1962 - 1968 : Cán bộ kỹ thuật, Sở Xây dựng TP.Hải Phòng,
1968 - 1976 : Phó chỉ huy công trường 760, Sở Xây dựng TP.Hải Phòng,
1976 - 1993 : Phó Giám đốc Sở Xây dựng, TP.Hải Phòng,

1993 - 1997 : Giám đốc Sở Xây dựng, TP.Hải Phòng,
1993 - nay : Về hưu theo chế độ.

Bà Lê Thị Liên

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty,

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu 1.923 cổ phần, chiếm 0,36% trên tổng số cổ phần Công ty,
Các người có liên quan : Chồng con không nắm giữ cổ phần của Công ty,
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không,
Hành vi vi phạm pháp luật : Không,
Giới tính : Nữ,
Ngày tháng năm sinh : 31 tháng 12 năm 1977 tại Thanh Hóa,
Quốc tịch : Việt nam,
Dân tộc : Kinh,
Địa chỉ thường trú : 62A7 Tập thể Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng,
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế,
Quá trình công tác
1999 - 2001 : Kế toán tập đoàn Green Field,
2002 - 2005 : Kế toán tổng hợp Công ty CP Xây dựng và phát triển Cơ sở hạ tầng,
1993 - nay : Kế toán tổng hợp Công ty CP Xây dựng và phát triển Cơ sở hạ tầng.

III.6.3. Ban Giám đốc

Ông Trần Duy Hải - Giám đốc Công ty (Xem phần trên),

Ông Vũ Xuân Huy - Phó Giám đốc Công ty, phụ trách kỹ thuật (Xem phần trên),

Ông Trần Hải Nguyên Long - Phó Giám đốc Công ty, phụ trách kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ : Cá nhân sở hữu 38.860 cổ phần, chiếm 7,18% trên tổng số cổ phần Công ty,
Các người có liên quan : Bố đẻ, Trần Duy Hải, Chủ tịch HĐQT kiêm GD Công ty, nắm giữ 275.426 cổ phần, chiếm 50,91% trên tổng số cổ phần Công ty,
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không,
Hành vi vi phạm pháp luật : Không,
Giới tính : Nam,

Ngày tháng năm sinh : 20 tháng 8 năm 1970 tại Hải Phòng,
 Quốc tịch : Việt nam,
 Dân tộc : Kinh,
 Địa chỉ thường trú : 205 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng,
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điều khiển tàu biển, CN luật, CN ngoại ngữ, CN Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ kinh tế,
 Quá trình công tác
 1996 - 1997 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng Số 4,
 1997 - 1998 : Phó giám đốc Xí nghiệp số 6, công ty Xây dựng số 4. Sau đó là phó phòng dự án Công ty Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng,
 1998 - 2000 : Trưởng phòng dự án, sau đó là phó Giám đốc xí nghiệp xây dựng tổng hợp, Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng, Sở Xây dựng Hải Phòng,
 1993 - nay : Phó Giám đốc công ty CP Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng.

III.7. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Công ty hiện đang có quyền sử dụng 20.000m² đất tại Cụm Công nghiệp Vĩnh niệm, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng với giá thuê 2.700 đồng/m²/năm trong 50 năm, bắt đầu thuê từ 01/08/2001 theo Quyết định số 3439/QĐ-UB của UBND TP.Hải Phòng, ngày 29/12/2003 và Quyết định số 948/QĐ-UB của UBND TP.Hải Phòng, ngày 18/05/2005. Các tài sản khác của Công ty được phản ánh trong bảng dưới đây.

GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY TÍNH ĐẾN 31/03/2005.

Đơn vị: triệu đồng.

STT	TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	GTRỊ CÒN LẠI (31/12/2004)	GTRỊ CÒN LẠI (31/03/2005)
I	Nhà máy chế biến thủy sản	6.523	5.265	5.381
A	Phần xây dựng	6.217	5.265	5.075
1	Khu văn phòng + nhà nghỉ	1.000	896	875
2	Xưởng sản xuất I	1.800	1.519	1.463
3	Xưởng sản xuất II	1.968	1.661	1.599
4	Nhà bảo vệ, tường rào, công trình phụ trợ	1.449	1.190	1.139
5*	San lấp mặt bằng	306		306

II*	Nhà máy chế tạo kết cấu thép tiền chế	2.693		2.693
1	Xưởng sản xuất I	391		391
2	Xưởng sản xuất II	746		746
3	Móng xưởng sản xuất III	352		352
4	Cấp điện khu NMT	187		187
5	Nhà bảo vệ	23		23
6	Đường giao thông nội bộ	16		16
7	Tường rào nhà máy	166		166
8	Nhà nghỉ, kho, nhà để xe CBCNV	269		269
9	Nhà vệ sinh công nhân	63		63
10	Nhà gara ô tô	125		125
11	Cổng đẩy khung thép	12		12
12	San lấp mặt bằng	344		344
III	Trụ sở Công ty	1.358		1.334
1**	Xây dựng nhà trụ sở công ty	1.320		1.320
2	Các máy văn phòng	38,47	17,13	13,60
Tổng cộng		10.575	5.282	9.408

(*): Số đã được quyết toán nhưng chưa đưa vào BCDKT đến thời điểm 31/03/2005.

(**): Số dự toán, chưa được quyết toán đến thời điểm 31/03/2005.

III.8. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2004	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2005	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2006
Vốn điều lệ	5.410	1,20	5.410	0,00	7.500	38,63
Doanh thu thuần	35.000	47,36	42.000	20,00	55.000	30,95
Lợi nhuận sau thuế*	900	26,76	1.100	22,22	1.500	36,36
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Dthu thuần	2,57%	-	2,62%	-	2,73%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,43%	-	19,38%	-	20,00%	-
Cổ tức	13%	-	14%	-	15%	-

(*): Số liệu chưa tính được miễn giảm thuế TNDN khi đăng ký giao dịch theo quy định.

III.9. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Kế hoạch lợi nhuận này được xây dựng căn cứ trên phân tích thị trường tương lai, phân tích tình hình thực hiện Doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong những năm qua cũng như ước tính đến doanh thu và lợi nhuận khi đưa nhà máy chế tạo kết cấu thép tiền chế vào vận hành.

Lợi nhuận sau thuế được tính trên tỷ suất lợi nhuận bình quân trên doanh thu 03 năm trước, dự tính này là thận trọng vì lợi nhuận biên của nhà máy chế tạo kết cấu thép tiền chế là cao hơn và tỷ suất lợi nhuận biên của lĩnh vực xây lắp cũng đang được cải thiện do Công ty đã bước vào giai đoạn vận hành ổn định.

Năm 2005: Cơ sở cho việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận của năm 2005 là rất khả thi vì đến hết 31/05/2005 doanh thu Công ty đã thu được trên 12 tỷ đồng. Đồng thời, kế hoạch doanh thu theo các hợp đồng cam kết của các chủ đầu tư là Công ty AIDI và Công ty AROMA - công ty vốn 100% nước ngoài - thì doanh thu tháng 6 của hai dự án trên là 5 tỷ đồng, kết hợp với doanh thu của công trình kho 6 Cảng Hải Phòng còn 3,5 tỷ đồng sau khi quyết toán được kiểm toán sẽ thu về công ty vào cuối tháng 6 đầu tháng 7/2005. Trong 6 tháng cuối năm với giá trị hợp đồng đã được ký kết còn trên 40 tỷ đồng, khả năng doanh thu 35 tỷ đồng lập cho cả năm 2005 là rất khả thi. Mặt khác, khoản nợ ngân hàng chưa đến hạn phải trả của Công ty vào thời điểm hiện nay vẫn được khống chế là dưới 1 tỷ đồng, các khoản chi phí vật tư, nhân công, chi phí khác đã được khống chế hợp lý theo kế hoạch. Cân đối lại mức 900 triệu đồng lợi nhuận sau thuế là hiện thực cho năm 2005.

Năm 2006: Công ty dự kiến phát triển sản phẩm mới là hệ khung không gian và sản xuất các loại ống thép công nghiệp. Dự kiến sản xuất các loại sản phẩm này bước đầu là từ 800 Tấn - 1.000 Tấn/năm, căn cứ trên nhu cầu từ các dự án Công ty đang triển khai và đơn đặt hàng của các khách hàng truyền thống, có thể đạt doanh thu từ 10 tỷ đến 12 tỷ đồng/năm. Trong khi đó số dự án công trình xây dựng công ty đã ký kết và có kế hoạch triển khai tiếp theo năm 2005 là trên 23 tỷ đồng. Tổng hợp lại, dự kiến doanh thu và lợi nhuận cho năm 2006 là khả thi vì Công ty không cần phải đầu tư thêm thiết bị, nhà xưởng và các khoản chi phí cho bộ máy quản lý không tăng thêm.

Năm 2007 và các năm sau công ty dự kiến triển khai các kế hoạch kinh doanh hạ tầng cấp nước sạch sinh hoạt, cấp điện nông thôn theo các dự án được nhà nước duyệt và triển khai dây chuyền sản xuất đồ nội thất ngoài trời cho xuất khẩu để đưa doanh thu lên trên 50 tỷ năm, thực hiện các kế hoạch hạ giá thành hợp lý để tăng tính cạnh tranh, phát triển ra các thị trường mới trong và ngoài nước nhằm mở rộng doanh nghiệp.

IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ

IV.1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

IV.2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

IV.3. Tổng số chứng khoán đăng ký

541.000 cổ phiếu (Không có cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng)

IV.4. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách mỗi cổ phần khi đăng ký giao dịch lần đầu được tính bằng Tổng nguồn vốn chủ sở hữu (đã trừ đi quỹ Khen thưởng phúc lợi) chia cho tổng số cổ phần tại thời điểm tính.

Giá trị sổ sách ngày 31/12/2004:

$$\text{Giá trị 01 cổ phần} = \frac{6.035.571.782}{534.603} = \mathbf{11.289,82 \text{ đồng}}$$

Giá trị sổ sách ngày 31/03/2005:

$$\text{Giá trị 01 cổ phần} = \frac{6.049.770.857}{534.603} = \mathbf{11.316,38 \text{ đồng}}$$

IV.5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Vì vậy, khi cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên TTGDCK thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của Pháp luật Việt nam hiện hành.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài hiện nay là 0% (tính đến thời điểm 30/04/2005).

IV.6. Các loại thuế có liên quan

Bộ Tài chính đã có công văn hướng dẫn tạm thời về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các tổ chức đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29/04/2005). Theo đó, các tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như các tổ chức niêm yết chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (quy định tại công văn số 11924/TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính), tức là ngoài được hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định khác, khi tham gia đăng ký giao

dịch trên TTGDCK Hà Nội sẽ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong vòng 2 năm kể từ khi thực hiện đăng ký giao dịch lần đầu,

Theo Công văn số 1158/CV-UB ngày 15/03/2005 của UBND thành phố Hải Phòng về việc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán trong năm 2005, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của Nhà nước sẽ được Thành phố cấp lại 50% số thuế TNDN một năm kể từ khi đưa chứng khoán lên giao dịch tập trung lần đầu tại TTGDCK.

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ

V.1. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (HASECO)

Website : www.hpsc.com.vn

Email : chungkhoanhaiphong@hn.vnn.vn

Trụ sở : 24 Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Điện thoại : (84-31)842332 – 842335

Fax : (84-31)746363

V.2. Tổ chức kiểm toán

Công ty Kiểm toán và Kế toán Việt Nam (VAAC)

Email : vaaco@hn.vnn.vn

Trụ sở : Số 28 Lý Tự Trọng, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Điện thoại : (84-31)842430/31/32

Fax : (84-31)842433

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

VI.1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng lớn đến nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Một cách trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở hạ tầng và tốc độ đầu tư trong lĩnh vực này. Khi nền kinh tế chậm phát triển hoặc đình trệ, nhu cầu xây dựng cơ bản, xây dựng hạ tầng cơ sở giảm, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của Ngành, đến các lĩnh vực đầu tư liên quan, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

Biến động về tỷ lệ lạm phát có thể ảnh hưởng đến nhu cầu xây dựng cũng như các nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA) của nước ngoài nhằm phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt nam. Hiện tại, nền kinh tế đang trong tình trạng giá cả leo thang, giá các yếu tố đầu vào cho sản xuất tăng

cao, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng như xi măng, sắt thép,... làm giá thành công trình tăng cao, dẫn đến khó khăn chung cho ngành xây dựng cũng như khó khăn trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Về tỷ giá của đồng Việt nam với các đồng tiền mạnh, trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất các cấu kiện thép, nguyên vật liệu đầu vào là thép chiếm một tỷ trọng tương đối cao trong khi thị trường thép trong nước vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, do đó rủi ro mất giá của đồng Việt nam có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành công trình của Công ty.

VI.2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống pháp luật của Việt nam hiện nay thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

Ngoài ra, các văn bản pháp luật liên quan đến chính sách về xây dựng cơ bản, phát triển các khu đô thị, cơ sở hạ tầng,... thường xuyên thay đổi, tác động khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược, chính sách kinh doanh.

VI.3. Rủi ro do đặc thù ngành nghề

Trong hoạt động xây dựng cơ bản, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần và tại Việt nam hiện nay việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động.

Bên cạnh đó, giá cả các yếu tố đầu vào của ngành xây dựng, đặc biệt là thép đang ở mức cao và còn có xu hướng tăng làm ảnh hưởng đến chi phí của Công ty. Tuy nhiên, nền kinh tế đang tăng trưởng cao, nhu cầu đầu tư hạ tầng cơ sở khu vực Hải Phòng và các vùng lân cận cũng đang tăng cao. Công ty đã có uy tín trong ngành, kinh nghiệm trong đấu thầu và đông đảo khách hàng truyền thống nên việc đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra là khả thi.

VI.4. Rủi ro về thanh toán

Trong những năm tài chính vừa qua, tỷ trọng các khoản phải thu – phải trả trên tổng tài sản thường cao (*Xem chi tiết trên BCTC đã kiểm toán*), dẫn đến tỷ số Nợ/Vốn chủ cao. Đây là một rủi ro thanh toán tiềm ẩn, khi Công ty phát sinh các khoản nợ xấu, không thu được các khoản phải thu đúng hạn hoàn toàn có thể dẫn đến mất khả năng thanh toán ngắn hạn.

Tuy nhiên, tỷ trọng các khoản phải thu – phải trả trên tổng tài sản cao là đặc thù của các doanh nghiệp ngành xây dựng cơ sở hạ tầng, chủ đầu tư nợ các

nhà thầu và các nhà thầu nợ của các nhà cung cấp và các nhà thầu phụ. Với Công ty, các khoản phải trả và phải thu thường lớn tương đương nhau nên Công ty luôn kiểm soát được khả năng thanh toán nợ ngắn hạn. So với các công ty trong cùng ngành hệ số này là không thấp (năm 2003 là 1,09, năm 2004 là 1,20 lần) (Xem phần III.5.3).

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng theo dõi các nguồn vốn ngắn hạn này và luôn đánh giá mức độ tín nhiệm của các khách hàng. Do đó, Công ty thường không có nợ xấu và luôn đảm bảo được khả năng thanh toán, cân đối và sử dụng nguồn vốn ngắn hạn hiệu quả

VI.5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, giá cổ phiếu của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, lũ lụt,... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Công ty như động đất làm sập nhà cửa, lũ cuốn trôi các phương tiện thi công,... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được,

Thị trường chứng khoán Việt nam còn mới mẻ, chưa thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đến cổ phiếu của Công ty. Giá cổ phiếu trên thị trường giao dịch phi tập trung thất thường, chưa ổn định, chưa tạo được dự yên tâm cho các nhà đầu tư, các cổ đông.

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,
- 2. Phụ lục II:** Sổ theo dõi cổ đông,
- 3. Phụ lục III:** Nghị quyết của HĐQT về đăng ký giao dịch cổ phiếu,
- 4. Phụ lục IV:** Báo cáo kiểm toán (*nguyên văn báo cáo kiểm toán*)
- 5. Phụ lục V:** Giải thích về số nợ dài hạn của Ông Hoàng Cảnh và khoản nợ đọng thuế trên BCTC đã được kiểm toán năm 2004.

Hải phòng, ngày 17 tháng 06 năm 2005

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Đỗ Huy Số

Trần Duy Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Liên